|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| UBND QUẬN SƠN TRÀ  **TRƯỜNG THCS LÝ TỰ TRỌNG** | **NỘI DUNG KIẾN THỨC MÔN NGỮ VĂN LỚP 9** | |
| Họ và tên HS:.............................................................. | Lớp 9/...... |

**TUẦN 1 - TIẾT 1,2**

**BÀI : PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH - Lê Anh Trà**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Tìm hiểu chung:**

**a.Xuất xứ:**  văn bản Phong cách Hồ Chí Minh là một phần trong bài viết: *Phong cách Hồ Chí Minh, cái vĩ đại gắn với cái giản dị* của tác giả Lê Anh Trà (cuốn sách: *Hồ Chí Minh và văn hoá Việt Nam, Viện Văn hóa xuất bản, Hà Nội,1990)*

**b.Thể loại**: thuộc kiểu văn bản nghị luận, có tính nhật dụng.

**2.Phân tích:**

**a. Con đường hình thành và đặc điểm phong cách Hồ Chí Minh:**

-Con đường hình thành:

+Tiếp thu một cách có chọn lọc tinh hoa văn hóa nhân loại trong quá trình hoạt động cách mạng ở nước ngoài.

+Nhào nặn những tinh hoa văn hoá nhân loại với cái gốc văn hoá dân tộc.

-Đặc điểm phong cách Hồ Chí Minh: là sự kết hợp hài hoà giữa tính dân tộc và tính nhân loại, truyền thống và hiện đại, giữa vĩ đại và giản dị. (Một nhân cách, một lối sống rất Việt Nam, rất Phương Đông nhưng đồng thời cũng rất mới, rất hiện đại)

\* Có được sự kết hợp hài hòa của các yếu tố mang nhiều nét đối lập ấy trong một phong cách là nhờ bản lĩnh, ý chí của một người chiến sĩ cộng sản, là tình cảm cách mạng được nung nấu bởi lòng yêu nước, thương dân vô bờ bến và tinh thần sẵn sàng quên mình vì sự nghiệp chung của Người.

**b. Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh** **trong lối sống, sinh hoạt hàng ngày:**

- Ở cương vị lãnh đạo cao nhất của Đảng và Nhà nước nhưng Chủ tịch Hồ Chí Minh có một lối sống vô cùng giản dị. Nếp sống giản dị mà thanh cao của Người được thể hiện qua những chi tiết cụ thể: nơi ở, nơi làm việc thô sơ, trang phục hết sức giản dị; ăn uống đạm bạc: ngôi nhà sàn, bộ quần áo bà ba màu nâu, đôi dép lốp, những món ăn dân tộc không chút cầu kì,…

- Lối sống giản dị, đạm bạc của Người lại vô cùng thanh cao, sang trọng.

+Đây không phải là lối sống khắc khổ của những con người tự vui trong cảnh nghèo khó.

+Đây cũng không phải là cách tự thần thánh hóa, tự làm cho khác đời, hơn đời.

+Đây là một cách sống có văn hóa, là cách di dưỡng tinh thần, thể hiện một quan niệm thẩm mĩ cao đẹp về cuộc sống: cái đẹp là sự giản dị, tự nhiên.

- Phong cách sống của Người là sự kế thừa và phát huy những nét đẹp của tâm hồnViệt, gợi ta nhớ đến cách sống của các vị hiền triết trong lịch sử như Nguyễn Trãi, Nguyễn Bỉnh Khiêm...

**3. Tổng kết:**

**a.Đặc sắc nghệ thuật:**

- Kết hợp nhuần nhuyễn các phương thức biểu đạt: tự sự, biểu cảm, nghị luận.

- Chọn lọc những chi tiết tiêu biểu.

- Sử dụng ngôn ngữ trang trọng (từ Hán Việt).

- Sử dụng hiệu quả các hình thức so sánh, nghệ thuật đối lập.

**b. Ý nghĩa văn bản:**

- Lê Anh Trà đã cho thấy cốt cách văn hoá Hồ Chí Minh trong nhận thức và hành động, từ đó đặt ra vấn đề của thời kì hội nhập: Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại đồng thời phải giữ gìn, phát huy bản sắc văn hoá dân tộc.

- Việc học tập phong cách Chủ tịch Hồ Chí Minh là công việc thường xuyên và cần thiết của mỗi người Việt Nam.

-Lối sống giản dị của Bác thể hiện một quan niệm sống đẹp, một quan niệm thẩm mĩ sâu sắc. Đó là sự coi trọng các giá trị tinh thần, cách sống không bị lệ thuốc vào điều kiện vật chất, không coi mục đích sống chỉ là hưởng thụ vật chất. Đó cũng là cách sống coi trọng và luôn tạo được sự hài hòa giữa con người với thiên nhiên, đem lại niềm vui, sự khỏe khoắn và thanh cao cho tâm hồn lẫn thể xác.

**II. BÀI TẬP**

**1.Hãy viết đoạn văn nghị luận (10-15 dòng) trình bày suy nghĩ của em về những nét đẹp trong phong cách Hồ Chí Minh.**

*.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

*…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………..............................*

*…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………..............................*

**2. “Chủ tịch Hồ Chí Minh là người có lối sống giản dị và thanh cao”, hãy tìm những dẫn chứng trong thơ văn và đời sống để làm rõ cho nhận định trên.**

*....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... …………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………..............................*

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

*…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………..............................*

**TUẦN 1 -TIẾT 3**

**BÀI : CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

- Phương châm hội thoại là những quy định mà người tham gia hội thoại phải tuân thủ để cuộc giao tiếp thành công.

- Có 5 phương châm hội thoại chính:

|  |
| --- |
| **Các phương châm hội thoại** |

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Phương châm về lượng** |  | **Phương châm**  **về chất** |  | **Phương châm**  **cách thức** |  | **Phương châm**  **quan hệ** |  | **Phương châm**  **lịch sự** |

**1.Phương châm về lượng**:

**a. Xét ví dụ SGK/ 8 -9:**

-Ví dụ 1: Câu trả lời của Ba không mang nội dung mà An cần biết. Điều mà An muốn biết là một địa điểm cụ thể nào đó như ở bể bơi thành phố, sông, hồ, biển,…

-Ví dụ 2: Truyện gây cười bởi các nhân vật nói nhiều hơn những gì cần nói. Lẽ ra chỉ cần hỏi : “ *Bác có thấy con lợn nào chạy qua đây không?”* và chỉ cần trả lời: “*Tôi chẳng thấy có con lợn nào chạy qua đây cả”.*

**b. Bài học:** Khi giao tiếp, cần nói cho có nội dung; nội dung của lời nói phải đáp ứng đúng yêu cầu của cuộc giao tiếp, không thiếu, không thừa.

**2.Phương châm về chất:**

**a.Xét ví dụ SGK/9-10:** Truyện cười “Quả bí khổng lồ” phê phán tính nói khoác, nói không đúng sự thật vì không có quả bí nào to bằng cái nhà, cũng không có cái nồi đồng nào to bằng cái đình làng.

**b. Bài học:** Khi giao tiếp, đừng nói những điều mình không tin là đúng hay không có bằng chứng xác thực.

**II.BÀI TẬP**

**1. Bài tập 1 SGK/10: Vận dụng phương châm về lượng để phân tích lỗi trong những câu sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| a. Trâu là một loài gia súc nuôi ở nhà.  *…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………* | b. Én là một loài chim có hai cánh.  *…………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………* |

**2.Bài tập 2 SGK/10-11: Chọn từ ngữ, thành ngữ thích hợp (nói trạng; nói nhăng nói cuội; nói có sách, mách có chứng; nói dối; nói mò) để điền vào chỗ trống:**

a. Nói có căn cứ chắc chắn là …………………….........................................................................

b. Nói sai sự thật một cách cố ý, nhằm che giấu điều gì đó là ……………….................................

c. Nói một cách hú họa, không có căn cứ là ……………………....................................................

d. Nói nhảm nhí vu vơ là ………………………………………………………………………

e. Nói khoác lác, làm ra vẻ tài giỏi hoặc nói những chuyện bông đùa, khoác lác cho vui là ……

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

**TUẦN - TIẾT 4**

**BÀI: SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT**

**TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh:**

**a. Ôn tập văn bản thuyết minh:**

-Văn bản thuyết minh là kiểu văn bản thông dụng trong mọi lĩnh vực đời sống nhằm cung cấp tri thức khách quan về đặc điểm, tính chất, nguyên nhân, cấu tạo, ý nghĩa…của các hiện tượng và sự vật trong tự nhiên, xã hội bằng phương thức trình bày, giới thiệu, giải thích**.**

-Có 6 phương pháp thuyết minh phổ biến: nêu định nghĩa, liệt kê, nêu ví dụ, dùng số liệu, phân loại, so sánh.

**b. Tìm hiểu việc sử dụng một số biện pháp nghệ thuật trong văn bản thuyết minh:**

**- Ví dụ SGK/ 12-13**: Văn bản “Hạ Long - Đá và Nước”

+Văn bản thuyết minh về sự kì diệu của đá và nước ở vịnh Hạ Long.

+Đặc điểm của đá và nước tạo nên vẻ hùng vĩ, nên thơ của Hạ Long.

+Văn bản đã cung cấp những kiến thức khách quan về đối tượng thuyết minh.

+Các phương pháp thuyết minh: liệt kê, so sánh,….

+Tác giả sử dụng các biện pháp nghệ thuật kể, tả, nhân hoá, liên tưởng…

=> Làm cho đá và nước ở vịnh Hạ Long trở nên sinh động, nhờ đó vẻ đẹp Hạ Long càng thêm kì diệu, hấp dẫn.

**-Bài học:**

+Muốn cho văn bản thuyết minh được sinh động, hấp dẫn, người ta vận dụng thêm một số biện pháp nghệ thuật như kể chuyện, tự thuật, đối thoại theo lối ẩn dụ, nhân hóa hoặc các hình thức vè, diễn ca…

+Các biện pháp nghệ thuật cần được sử dụng thích hợp, góp sức làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh và gây hứng thú cho người đọc.

**II.BÀI TẬP**

**1.Bài tập 1 SGK/ 13-14: Đọc văn bản “Ngọc Hoàng xử tội Ruồi xanh” và trả lời các câu hỏi**

a.Văn bản có tính chất thuyết minh không? Tính chất ấy thể hiện ở những điểm nào? Những phương pháp thuyết minh nào đã được sử dụng?

b. Văn bản thuyết minh này có nét gì đặc biệt? Tác giả đã sử dụng biện pháp nghệ thuật nào?

c. Các biện pháp nghệ thuật ở đây có tác dụng gì?

*.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

*.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**2.Bài tập 2 SGK/15:** Đọc đoạn văn “*Bà tôi thường kể cho tôi nghe …. nhà nông đang hoạt động*” và nhận xét về biện pháp nghệ thuật được sử dụng để thuyết minh?

*...........................................................................................................................................................***III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

**TUẦN 1- TIẾT 5**

**BÀI: LUYỆN TẬP SỬ DỤNG MỘT SỐ BIỆN PHÁP NGHỆ THUẬT**

**TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Đề bài:** **Thuyết minh về một thứ đồ dùng hữu ích trong cuộc sống (cái quạt)**

**2.Tìm hiểu đề và tìm ý:**

**a. Tìm hiểu đề.**

*-*Thể loại: Văn thuyết minh

- Đối tượng: một thứ đồ dùng hữu ích trong đời sống (Cái quạt)

- Hình thức thuyết minh: Sử dụng các phương pháp thuyết minh như nêu định nghĩa, so sánh, dùng số liệu...kết hợp vận dụng một số biện pháp nghệ thuật như kể chuyện, tự thuật, hỏi - đáp theo lối nhân hóa,...

**b. Tìm ý**.

- Lịch sử

- Cấu tạo

- Chủng loại

- Công dụng

**-** Sử dụng, bảo quản

**2. Lập dàn ý.**

**a. Mở bài** : Giới thiệu chung về cái quạt.

**b. Thân bài**:

- Lịch sử cái quạt: có từ rất lâu, gắn bó với người Việt Nam.

-Chủng loại: có nhiều loại như quạt nan, quạt mo, quạt điện; làm bằng chất liệu khác nhau: tre, mo cau, giang, cọ, giấy, nhựa, sắt… quạt điện xuất hiện khi xã hội phát triển.

-Cấu tạo quạt nan, mo đơn giản, quạt điện phức tạp hơn gồm nhiều bộ phận tạo thành (Ốc xoắn: bằng sắt. Khung quạt: bằng nan, sắt. Đồ bao bọc: bằng ni lông, giấy cánh, trục, lồng bảo vệ, chân, đế… và phải sử dụng điện mới dùng được).

-Công dụng: làm mát cho con người và ứng dụng vào nhiều công việc khác như để trang trí, để biểu diễn nghệ thuật.

-Sử dụng và bảo quản:

+ Đối với quạt nan sử dụng đơn giản vì dùng bằng sức tay, bảo quản đơn giản.

+ Đối với quạt điện phức tạp hơn nhưng mát hơn và không mất sức người, cần phải cắm điện, bật công tắc…

+ Dùng xong phải rút quạt khỏi ổ điện, để nơi khô ráo.

**c.Kết bài :**

- Khẳng định ý nghĩa quan trọng của chiếc quạt trong quá khứ, hiện tại và tương lai.

- Tình cảm con người đối với chiếc quạt.

**II.BÀI TẬP**

**Viết phần mở bài và giới thiệu về cấu tạo, công dụng của chiếc quạt điện.**

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

*…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….………………………………………………………………………………………………………..............................*

**TUẦN 2 -Tiết 6,7**

**BÀI: ĐẤU TRANH CHO MỘT THẾ GIỚI HÒA BÌNH**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1.Tìm hiểu chung:  
a. Tác giả.**- G. Mác-két (1928) là người Côlômbia.  
- Chuyên viết về tiểu thuyết.  
- Được nhận giải thưởng Nobel văn học (1982)  
**b. Tác phẩm.  
- Viết vào 8/1986:** Trích từ bản Tham luận của hội nghị 6 nguyên thủ quốc gia tại Mê-hi-cô bàn về thế giới không có chiến tranh hạt nhân.  
**- Thể loại:** Văn nghị luận có tính nhật dụng  
**- Phương thức biểu đạt**: Nghị luận (tham luận)  
**- Bố cục:** 3 phần  
+ Phần 1: Từ đầu đến "*vận mệnh thế giới* "=> hiểm hoạ của chiến tranh hạt nhân.  
+ Phần 2: Tiếp đến "*điểm xuất phát của nó*" => chứng cứ phi lí của chiến tranh hạt nhân.  
+ Phần 3: còn lại => nhiệm vụ của chúng ta và đề nghị của nhà văn.  
=> Bố cục chặt chẽ: đưa ra nguy cơ -> nêu chứng cứ -> lời kêu gọi.  
**2. Nội dung:  
a. Hiểm hoạ của chiến tranh hạt nhân**- Mở đầu tác phẩm bằng một câu hỏi và trả lời bằng một số liệu chính xác, cụ thể: 8/8/1986... hơn 50000 đầu đạn hạt nhân đang bố trí khắp hành tinh  
-> Khẳng định tính hiện thực và sự nguy hiểm, sức lan truyền nhanh, gây chết người hàng loạt của vũ khí hạt nhân.

**b. Chạy đua vũ trang và hậu quả.**- So sánh.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Chi phí chạy đua vũ trang** |  | **Chi phí cho cuộc sống con người** |
| 100 máy bay và 7 ngàn tên lửa | bằng | cứu trợ y tế, giáo dục cho 500 triệu trẻ em nghèo |
| Giá 10 tàu sân bay mang vũ khí hạt nhân | bằng | thực hiện phòng bệnh trong 14 năm, bảo vệ 1 tỉ người khỏi bệnh sốt rét và cứu hơn 14 triệu trẻ em Châu Phi |
| 2 tàu ngầm mang vũ khí | bằng | xoá mù cho toàn thế giới |
| Số lượng nhỏ, tốn kém lớn |  | số lượng lớn, tốn kém nhỏ,  ->sinh mạng con người bị xem rẻ |

=> So sánh toàn diện, đủ lĩnh vực thiết yếu trong đời sống con người.

- Chiến tranh hạt nhân vô cùng tốn kém, phi lí, cướp đi cuộc sống tốt đẹp của con người.  
- Chạy đua vũ trang là đi ngược lí trí con người, lí trí tự nhiên, đưa thế giới về điểm xuất phát.  
**c. Nhiệm vụ, đề nghị của tác giả.**- Nhiệm vụ:  
+ Đoàn kết, đấu tranh cho một thế giới hoà bình.

+ Phản đối, ngăn chặn chạy đua vũ trang, tàng trữ hạt nhân.  
- Đề nghị:  
+ Mở ngân hàng lưu trữ trí nhớ để đời sau biết thế giới đã từng tồn tại.  
=> Tác giả muốn nhấn mạnh: nhân loại cần giữ kí ức của mình, lịch sử sẽ lên án những thế lực hiếu chiến đã đẩy nhân loại vào thảm hoạ hạt nhân.  
**3.Tổng kết:**

**a.Đặc sắc nghệ thuật:**

- Lập luận chặt chẽ, hệ thống luận điểm, luận cứ toàn diện, chứng cứ phong phú, cụ thể từ nhiều lĩnh vực tri thức khoa học và thực tiễn.

-Phép so sánh được sử dụng thích hợp và có hiệu quả cao.

- Bài văn có giọng tranh luận, đối thoại ngầm.

**b.Ý nghĩa văn bản:**

- Bằng những số liệu cụ thể, lập luận chắc chắn, chặt chẽ, văn bản có ý nghĩa thức tỉnh nhân loại trước một hiểm hoạ khôn lường, từ đó nhân loại có ý thức đoàn kết chống chiến tranh hạt nhân. Văn bản đã thể hiện suy nghĩ nghiêm túc, đầy trách nhiệm của G. Mác-két đối với hoà bình nhân loại.

- Hiện nay, kho vũ khí hạt nhân vẫn tồn tại và không ngừng được cải tiến. Chiến tranh và xung đột vẫn liên tục nổ ra nhiều nơi trên thế giới. Chủ nghĩa khủng bố đang lan tràn, đe dọa an ninh của nhiều quốc gia và cướp đi sinh mạng của hàng ngàn người. Vì vậy thông điệp của Mác – két vẫn còn nguyên giá trị, vẫn tiếp tục thức tỉnh và kêu gọi mọi người đấu tranh cho một thế giới hòa bình.

**II. BÀI TẬP**

**Nêu nhiệm vụ cụ thể của mỗi học sinh trong việc phản đối chiến tranh, bảo vệ hòa bình trong nước và trên thế giới.**

*.........................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

*…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

*.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**TUẦN 2 - Tiết 8**

**BÀI: CÁC PHƯƠNG CHÂM HỘI THOẠI (tiếp theo)**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Phương châm quan hệ:** khi giao tiếp, cần nói đúng vào đề tài giao tiếp, tránh nói lạc đề.

**2. Phương châm cách thức:** khi giao tiếp, cần chú ý nói mạch lạc, ngắn gọn, tránh cách nói mơ hồ.

**3.Phương châm lịch sự:** khi giao tiếp cần tế nhị và thể hiện sự tôn trọng người khác.  
**II. BÀI TẬP**

**1. Bài tập 1 SGK/ 23**

**Trong kho tàng ca dao, tục ngữ Việt Nam có nhiều câu:**

|  |  |
| --- | --- |
| 1. Lời chào cao hơn mâm cỗ   b. Lời nói chẳng mất tiền mua  Lựa lời mà nói cho vừa lòng nhau | c. Kim vàng ai nỡ uốn câu  Người khôn ai nỡ nói nhau nặng lời. |

**Qua những câu tục ngữ, ca dao ấy, ông cha khuyên dạy chúng ta điều gì? Hãy tìm thêm một số câu tục ngữ, ca dao có nội dung tương tự.**

*.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

*…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**2. Bài tập 3 SGK/23**

**Chọn từ ngữ (nói móc, nói ra đầu ra đũa, nói leo, nói mát, nói hớt) thích hợp điền vào chỗ trống:**

a. Nói dịu nhẹ như khen nhưng thật ra là mỉa mai, chê trách là

..........................................................

b. Nói trước lời mà người khác chưa kịp nói là

..................................................................................

c. Nói nhằm châm chọc điều không hay của người khác một cách cố ý là

........................................

d. Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là

......... …………………………..

e. Nói rành mạch, cặn kẽ, có trước có sau là

.......................................................................................

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

*...........................................................................................................................................................*

**TUẦN 2 -Tiết 9**

**BÀI: SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I. NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

Để thuyết minh một cách cụ thể, sinh động, bài văn thuyết minh có thể kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả. Yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng.

**II. BÀI TẬP**

**1. Bài tập 1 SGK/ 26**

**Bổ sung yếu tố miêu tả vào các chi tiết thuyết minh.**

- Thân cây chuối

- Lá chuối tươi

- Lá chuối khô

- Nõn chuối

- Bắp chuối

- Quả chuối

**2.Bài tập 2 SGK/ 26**

**Chỉ ra yếu tố miêu trả trong đoạn văn “Một lần đến thăm…, khi rửa cũng dễ sạch.”**

*.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

*…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….…………………………………………………………………………………………………………….……………………………………………………………………………………………………………....................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

*.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**TUẦN 2 -Tiết 10**

**BÀI : LUYỆN TẬP SỬ DỤNG YẾU TỐ MIÊU TẢ**

**TRONG VĂN BẢN THUYẾT MINH**

**I.NỘI DUNG KIẾN THỨC BÀI HỌC**

**1. Đề ra: Con trâu ở làng quê Việt Nam**

**2.Tìm hiểu đề và tìm ý.**

**a.Tìm hiểu đề.**

-Thể loại: Thuyết minh

- Đối tượng: con trâu trong đời sống làng quê VN

**b. Tìm ý:**

-Nguồn gốc, giống loài

- Hình dáng

- Vai trò của trâu trong đời sống vật chất và đời sống tinh thần của người dân Việt Nam.

- Tình cảm của người nông dân với con trâu.

**3.Lập dàn ý.**

**a.Mở bài** : Giới thiệu chung về con trâu trên đồng ruộng Việt Nam.

**b.** **Thân bài** :

- Nguồn gốc: Trâu rừng thuần hoá.

- Hình dáng: thấp ngắn, bụng to, thân hình vạm vỡ, lông màu xám đen.

- Công dụng :

+Con trâu trong đời sống vật chất:

. Là tài sản lớn của người nông dân (con trâu là đầu cơ nghiệp): kéo xe, cày, bừa…

. Là công cụ lao động quan trọng

. Là nguồn cung cấp thực phẩm, đồ mỹ nghệ.

+ Con trâu trong đời sống tinh thần:

. Gắn bó với người nông dân như người bạn thân thiết, gắn bó với tuổi thơ.

. Trong các lễ hội đình đám.

**c.Kết bài** : Tình cảm của người nông dân dành cho trâu.

**II. BÀI TẬP:**

**Viết đoạn văn thuyết minh về hình dáng của con trâu (có sử dụng yếu tố miêu tả và biện pháp nghệ thuật)**

*.......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

*............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**III. TRAO ĐỔI, PHẢN HỒI VỀ KIẾN THỨC BÀI HỌC CỦA HỌC SINH**

*......................................................................................................................................................................................................................................................................................................................*